

## TÌNH HÌNH CHĂN NUÔI VÀ ÁP DỤNG CÁC TIẾN BỘ KỸ THUẬT TRONG NUÔI DƯỠNG TRÂU BÒ TẠI HUYỆN VINH TƯỞNG - VINH PHÚC

The present status of buffalo and cattle husbandry and application of technological advances in ruminant feeding in Vinh Tuong district of Vinh Phuc province

Bùi Quang Tuấn<sup>1</sup> và Nguyễn Xuân Trạch<sup>2</sup>

### SUMMARY

A survey was carried out in three communes of Vinh Tuong district (Vinh Phuc province) to investigate the current status of buffalo and cattle husbandry as well as the level of application of technological advances in ruminant feeding. Results showed that the population of buffalo and especially cattle increased over the recent years, in spite of the fact that the role of buffalo as draft power was declined. The scales of production were small. The natural grass lands were limited. Instead, crop residues were abundant and could be utilised for ruminant feeding. However, the actual level of utilisation of crop residues as feeds was still low and farmers were not well aware of and trained in new technologies for improved ruminant feeding. It is therefore suggested that the extension services should take appropriate measures to introduce new technologies for improved utilisation of crop residues, especially rice straw and maize stover, as feeds for cattle and buffalo.

**Keywords:** Cattle, buffalo, feeding, crop residues, VinhPhuc.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhiều cuộc khảo sát cho thấy vào vụ đông xuân khi thức ăn xanh khan hiếm đàn trâu bò nước ta thiếu thức ăn trầm trọng, không ít con bị đổ ngã do phải làm việc nhiều trong khi cơ thể suy yếu. Trong khi đó nguồn phụ phẩm nông nghiệp ở nước ta lại rất dồi dào. Đã có nhiều công trình nghiên cứu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn cho trâu bò (Nguyễn Xuân Trạch, 1998; Bùi Quang Tuấn và cộng sự, 1999; Vũ Duy Giảng và cộng sự, 2001; Phạm Kim Cương và cộng sự, 2001), song việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật này trong thực tế sản xuất còn rất hạn chế. Vì vậy việc điều tra

khảo sát một cách có hệ thống, toàn diện thực trạng tình hình chăn nuôi trâu bò, tình hình sử dụng các nguồn phụ phẩm nông nghiệp, khả năng tiếp cận các tiến bộ kỹ thuật của người nông dân, điều kiện áp dụng các tiến bộ kỹ thuật... và từ đó đề xuất các giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trâu bò, mang lại lợi ích cho xã hội là cần thiết.

### 2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Nội dung điều tra

Tổng đàn trâu bò của huyện và qui mô chăn nuôi của các hộ chăn nuôi,

Các nguồn thức ăn thô xanh cho trâu bò,

Tình hình sử dụng các nguồn phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn cho trâu bò,

<sup>1</sup> Bộ môn Thức ăn- Vi sinh-Động cỏ, Khoa CNTY

<sup>2</sup> Bộ môn Chăn nuôi chuyên khoa, Khoa CNTY

## TÌNH HÌNH CHĂN NUÔI VÀ ÁP DỤNG CÁC TIẾN BỘ KỸ THUẬT...

Tình hình áp dụng các tiến bộ kỹ thuật chăn nuôi của các hộ chăn nuôi.

### 2.2. Phương pháp điều tra

Cuộc điều tra được tiến hành tại 3 xã Vũ Di, Vĩnh Thịnh, Cao Đại. Mỗi xã điều tra 3 thôn, mỗi thôn điều tra từ 25-35 hộ gia đình được chọn ngẫu nhiên. Việc điều tra được tiến hành theo phiếu điều tra được chuẩn bị trước. Thời gian điều tra là tháng 3 và 4 năm 2002.

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Số lượng trâu bò

Vĩnh Tường là huyện đại diện tiêu biểu cho điều kiện tự nhiên- xã hội của tỉnh Vĩnh Phúc, là một huyện bán trung du với diện tích đất tự nhiên 14.180 ha (trong đó đất nông nghiệp 9.925 ha), có nền sản xuất nông nghiệp hàng hoá, chăn nuôi khá phát triển. Số liệu về tổng đàn trâu bò của huyện được trình bày trong bảng 1.

Do có sự cơ giới hoá trong nông nghiệp và sự thu hẹp dần diện tích canh tác mà vai trò cày kéo của con trâu giảm. Tuy vậy, mấy năm gần đây, chăn nuôi trâu chuyển sang phục vụ mục đích lấy thịt là chính (40-50 tấn thịt trâu/năm). Thịt trâu được tiêu thụ tốt, mang lại lợi nhuận cao cho người chăn nuôi nên số lượng đàn trâu đã có xu hướng phục hồi và tăng (năm 2001 tăng 14,4% so với năm 2000).

Mục đích của chăn nuôi bò chủ yếu là để lấy thịt nên việc cơ giới hoá trong nông nghiệp không có ảnh hưởng đến số lượng đầu con. Số lượng đàn bò của Vĩnh Tường tăng

trung bình mỗi năm 6,1%, đặc biệt trong hai năm 2000 và 2001 tăng 12,4%. Công tác giống cũng được quan tâm (Sinh hoá đàn bò) để tạo đàn bò nuôi thịt có tầm vóc to, sinh trưởng nhanh. Sản lượng thịt bò năm 2001 của huyện đạt 115 tấn.

Bò sữa đã bắt đầu được phát triển ở Vĩnh Tường với 51 con năm 2000 và tăng lên 230 con năm 2001. Theo qui hoạch, Vĩnh Tường sẽ trở thành trung tâm chăn nuôi bò sữa với qui mô lớn để cung cấp nguyên liệu cho nhà máy chế biến sữa.

Về quy mô chăn nuôi, kết quả điều tra 400 hộ nuôi trâu bò được trình bày trong bảng 2. Đa số các hộ chăn nuôi trâu bò chỉ nuôi từ 1-2 con. Điều này có thể là do người chăn nuôi bị hạn chế về vốn, diện tích canh tác (không đủ đất để trồng cỏ cho chăn nuôi).

### 3.2. Nguồn thức ăn thô xanh nuôi dưỡng trâu bò

Việc ước tính nhu cầu thức ăn thô xanh của đàn trâu bò dựa trên cơ sở: trâu bò có thể thu nhận lượng vật chất khô (VCK) bằng 2,5-3% thể trọng. Kết quả cho thấy tổng lượng thức ăn thô xanh cần cho đàn trâu bò của toàn huyện là 50.739 tấn VCK/năm. Do nguồn cỏ có hạn, thức ăn thô cho trâu bò dựa chủ yếu vào phụ phẩm nông nghiệp. Lượng phụ phẩm nông nghiệp có thể ước tính từ diện tích hoặc từ sản phẩm chính của các loại cây trồng. Cơ cấu cây trồng và nguồn phụ phẩm nông nghiệp của huyện Vĩnh Tường được trình bày

Bảng 1. Tổng đàn trâu bò của huyện Vĩnh Tường qua các năm gần đây

Năm	1997	1998	1999	2000	2001
Trâu (con)	1909	1738	1741	1820	2082
Bò (con)	10.902	11.210	11.652	13.037	14.831
Bò sữa (con)	-	-	-	51	230

Bảng 2. Qui mô đàn trâu bò của các hộ gia đình huyện Vĩnh Tường

Qui mô (con/hộ)	Trâu		Bò			
	Số hộ nuôi	%	Bò thịt & bò cày kéo		Bò sữa	
			Số hộ nuôi	%	Số hộ nuôi	%
1	7	58,3	161	62,9	2	10,0
2	2	16,7	68	26,6	8	40,0
3	3	25,0	14	5,5	5	25,0
4	-	-	5	2,0	2	10,0
5	-	-	2	0,8	1	5,0
6	-	-	-	-	2	10,0

trong bảng 3a và bảng 3b. Như vậy, nguồn phụ phẩm nông nghiệp có thể sử dụng làm thức ăn cho trâu bò ở huyện Vĩnh Tường tương đối phong phú và có khối lượng rất lớn. Nếu tận dụng tốt thì nguồn phụ phẩm này có thể cho phép tăng gấp rưỡi đàn trâu bò hiện tại của huyện.

Cỏ tự nhiên được cắt về là để cho trâu bò ăn (86,0%), số còn lại là để làm chất độn

chuồng lợn hoặc cho xuống ao cá. Khoảng một nửa số rơm của các hộ điều tra được sử dụng làm thức ăn cho trâu bò. Các nguồn phụ phẩm nông nghiệp khác như thân cây ngô sau thu bắp, thân lá đậu tương, thân lá lạc hầu như không được sử dụng cho mục đích chăn nuôi. Hầu hết dây khoai lang được sử dụng cho chăn nuôi, trong đó phần lớn cho chăn nuôi lợn, chỉ khoảng 30% số dây khoai lang được

Bảng 3a. Cơ cấu cây trồng của huyện Vĩnh Tường (ha/năm)

Loại cây trồng	Năm 2000	Năm 2001
Lúa nước	13.328	12.779
Cây ngô	4.395	3.407
Khoai lang	539	661
Đậu tương	1.973	2.179
Cây lạc	233	194

Bảng 3b. Một số nguồn phụ phẩm cây trồng của huyện Vĩnh Tường (tấn VCK/năm)

Loại phụ phẩm	Năm 2000	Năm 2001
Rơm lúa	55.200	52.360
Thân cây ngô sau thu bắp	19.777	15.331
Dây khoai lang	741	909
Thân cây đậu tương	6.708	7.408
Thân cây lạc	792	660
Tổng cộng	83.218	76.668

## TÌNH HÌNH CHĂN NUÔI VÀ ÁP DỤNG CÁC TIẾN BỘ KỸ THUẬT...

Bảng 4. Tình hình sử dụng thức ăn thô của huyện Vĩnh Tường

Loại thức ăn	Khối lượng TĂ (tấn)	Đã sử dụng cho chăn nuôi		
		Khối lượng (tấn)	%	Sử dụng cho trâu bò (%)
Cỏ tự nhiên	452,9	452,9	100,00	86,0
Rơm lúa	624,0	395,1	63,31	97,4
Thân cây ngô sau thu bắp	504,7	7,1	1,40	90,0
Thân lá đậu tương	175,3	0,1	0,06	100,0
Thân lá lạc	151,5	0,8	0,53	100,0
Dây khoai lang	18,5	17,5	94,59	30,0

Bảng 5. Tình hình nắm bắt và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong nuôi dưỡng trâu bò

Tên tiến bộ kỹ thuật	Không được biết (%)	Có được biết (%)	Đang được áp dụng (%)
Ủ rơm	51	49	0
MUB (tăng liếm)	65	35	0
Ủ ngọn lá sắn	75	25	0
Ủ thân cây ngô	73	27	0
Ủ thân lá lạc	62	38	0
Trồng cây thức ăn	34	66	14,5

dùng cho chăn nuôi trâu bò.

### 3.3. Tình hình áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong nuôi dưỡng trâu bò

Bảng 5 cho thấy tuy Vĩnh Tường là một huyện có nền chăn nuôi tương đối phát triển so với các khu vực khác ở miền Bắc, không phải là huyện vùng sâu vùng xa, nhưng việc nắm bắt các tiến bộ kỹ thuật trong nuôi dưỡng trâu bò còn rất hạn chế. Tình hình này cho thấy công tác khuyến nông của huyện cần phải được đẩy mạnh hơn nữa để mang các thông tin về khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp tới người nông dân.

Hầu như các tiến bộ kỹ thuật trong nuôi dưỡng trâu bò không được người dân áp dụng, ngoại trừ việc trồng cây thức ăn xanh

cho bò sữa. Nguyên nhân của vấn đề này có thể là do bản thân các biện pháp kỹ thuật này chưa thực sự phù hợp với điều kiện, qui mô chăn nuôi của các nông hộ. Mặt khác, phương pháp khuyến nông của huyện cũng có thể chưa phù hợp, chưa có sự tham gia trực tiếp của người dân trong quá trình chuyển giao từng kỹ thuật. Tuy có 58 hộ trồng cỏ nuôi trâu bò trong huyện, nhưng đó là kết quả của Dự án bò sữa Hà Nội (hợp tác Việt Nam - Bỉ) trong mấy năm triển khai gần đây.

## 4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

### 4.1. Kết luận

- Số lượng đàn trâu của huyện Vĩnh Tường tương đối ổn định và có xu hướng tăng, đặc biệt là đàn bò.

- Qui mô chăn nuôi nhỏ lẻ và nguồn cỏ tự nhiên hạn chế, nhất là về mùa đông.

- Huyện có nguồn phụ phẩm nông nghiệp khá dồi dào, có thể sử dụng làm thức ăn cho trâu. Tuy vậy, mức độ sử dụng phụ phẩm nông nghiệp trong chăn nuôi còn rất hạn chế.

- Tỷ lệ nông dân nắm bắt được các tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi còn rất thấp và hầu như các tiến bộ kỹ thuật này không được người dân áp dụng.

#### 4.2. Đề nghị

Rơm lúa và thân cây ngô sau thu bắp là 2 nguồn phụ phẩm nông nghiệp có khối lượng lớn trong huyện. Cần tìm các biện pháp chế biến, xử lý phù hợp với điều kiện sản xuất, đặc biệt là qui mô chăn nuôi nhỏ của người dân để nâng cao hiệu quả sử dụng chúng làm thức ăn cho trâu bò. Hệ thống khuyến nông nên xây dựng một số mô hình nông hộ sử dụng rơm lúa và thân cây ngô sau thu bắp nuôi trâu bò để trình diễn kỹ thuật.

#### Tài liệu tham khảo

- Phạm Kim Cương, Vũ Chí Cương, Vũ Văn Nội, Đinh Văn Tuyên, Nguyễn Thành Trung, 2001. Nghiên cứu sử dụng rơm lúa trong khẩu phần bò thịt. Báo cáo khoa học Chăn nuôi - Thú y 1999 - 2000. Tp. Hồ Chí Minh 10 - 12/4/2001.
- Vũ Duy Giảng, Tôn Thất Sơn, Bùi Quang Tuấn, 2001. Nghiên cứu sử dụng rơm và thân cây ngô già sau thu bắp làm thức ăn cho bò sữa. Báo cáo khoa học Chăn nuôi - Thú y 1999 - 2000. Tp. Hồ Chí Minh 10 - 12/4/2001.
- Nguyen Xuan Trach, 1998. The need for improved utilisation of rice straw as feed for ruminants in Vietnam: An overview. *Livestock Research for Rural Development* 10 (2). <http://www.cipav.org.co/lrrd/lrrd10/2/trach102.htm>
- Bùi Quang Tuấn, Vũ Duy Giảng, Nguyễn Trọng Tiến, Tôn Thất Sơn, 1999. Nghiên cứu sử dụng thân cây ngô già sau thu bắp làm thức ăn cho bò sữa. Tạp chí Nông nghiệp công nghiệp thực phẩm. Số 12. 1999. Tr. 559-560.